

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH GIÁO VIÊN
LỚP TRUNG CẤP ĐIỆN CÔNG NGHIỆP - KHÓA 16 (NIÊN KHOÁ 2026 - 2028)

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/T T/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra						
Tổng số:		65	1431	454	863	114	346	310	330	445		
I	Các môn học chung	18	346	137	190	19	76	180	60	30		
<i>I.1</i>	<i>Các môn học chung bắt buộc</i>	<i>12</i>	<i>255</i>	<i>94</i>	<i>148</i>	<i>13</i>	<i>60</i>	<i>150</i>	<i>45</i>	<i>0</i>		
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	30				Trần Thị Thu Hằng	
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1		15			Trần Thị Thu Hằng	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30				GVTG	
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3		45			Đỗ Văn Thanh	
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1			45		Võ Thị Hương Thơm	
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4		90			Đinh Thị Minh Thức	
<i>I.2</i>	<i>Các môn học chung bổ trợ</i>	<i>6</i>	<i>91</i>	<i>43</i>	<i>42</i>	<i>6</i>	<i>16</i>	<i>30</i>	<i>15</i>	<i>30</i>		
MH 07	GDSKSS/SKTD/HIV	1	16	7	9		16				Nguyễn Văn Huy	
MH 08	Quản trị kinh doanh	2	30	12	16	2		30			Thiều Thị Linh	
MH 09	Kỹ năng mềm	1	15	4	9	2			15		Đặng Thị Mơ	
MH10	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	20	8	2				30	Đỗ Văn Thanh	
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành	47	1085	317	673	95	270	130	270	415		
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>9</i>	<i>180</i>	<i>100</i>	<i>59</i>	<i>21</i>	<i>150</i>	<i>30</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		
MH 11	An toàn điện	2	30	18	8	4	30				Đặng Thị Mơ, Cao Tiến Duy	
MH 12	Mạch điện - Vẽ điện	2	45	24	16	5	45				Cao Tiến Duy, Nguyễn Hoàng Anh	
MH 13	Vật liệu điện - Khí cụ điện	2	45	28	13	4	45				Cao Tiến Duy, Nguyễn Hoàng Anh	
MH 14	Đo lường điện	1	30	12	14	4	30				Nguyễn Hoàng Anh, Cao Tiến Duy	



Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/T T/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra						
MH 15	Điện tử cơ bản	2	30	18	8	4		30			Đặng Thị Mơ, Nguyễn Hoàng Anh	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	38	905	217	614	74	120	100	270	415		
MĐ 16	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng	3	60	16	36	8	60				Cao Tiến Duy, Nguyễn Hoàng Anh	
MĐ 17	Máy điện 1	3	60	16	38	6	60				Nguyễn Hoàng Anh, Cao Tiến Duy	
MĐ 18	Trang bị điện 1	4	100	25	65	10		100			Cao Tiến Duy, Nguyễn Hoàng Anh	
MĐ 19	Máy điện 2	5	120	36	76	8			120		Nguyễn Hoàng Anh, Cao Tiến Duy	
MĐ 20	Trang bị điện 2	4	90	22	60	8			90		Cao Tiến Duy, Nguyễn Hoàng Anh	
MĐ 21	Thiết bị điện gia dụng	3	60	16	38	6			60		Nguyễn Hoàng Anh, Cao Tiến Duy	
MĐ 22	Lắp đặt hệ thống cung cấp điện	3	60	21	33	6			60		Nguyễn Hoàng Anh, Cao Tiến Duy	
MĐ 23	Điện lạnh gia dụng	4	100	26	66	8			100		Nguyễn Hoàng Anh, Cao Tiến Duy	
MĐ 24	Điều khiển lập trình cỡ nhỏ	3	75	23	44	8			75		Cao Tiến Duy, Nguyễn Hoàng Anh	
MĐ 25	Thực tập sản xuất	3	120	0	114	6			120		Nguyễn Hoàng Anh	
MĐ 26	Ôn thi tốt nghiệp	3	60	16	44				60		Cao Tiến Duy, Nguyễn Hoàng Anh	

LẬP BIỂU



Đinh Đức Luân

PHÒNG HC - TS - ĐT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phan Tiến Đạt

Thanh Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2026



Thiều Thị Linh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ THỌ
TRƯỜNG TCN DTNT PHÚ THỌ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH GIÁO VIÊN
LỚP TRUNG CẤP HÀN - KHÓA 16 (NIÊN KHOẢ 2026 - 2028)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ BT/TL	KT						
Tổng số:		63	1436	427	862	147	331	330	330	445		
I	Các môn học chung	18	346	137	190	19	91	120	90	45		
I.1	Các môn học chung bắt buộc	12	255	94	148	13	75	90	90	0		
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2		30			Trần Thị Thu Hằng	
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1		15			Trần Thị Thu Hằng	
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30				GVTG	
MH04	Giáo dục QPAN	2	45	21	21	3		45			Đỗ Văn Thanh	
MH05	Tin học	2	45	15	29	1	45				Võ Thị Hương Thơm	
MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4			90		Nguyễn Thị Ly	
I.2	Các môn học chung bổ trợ	6	91	43	42	6	16	30	0	45		
MH 07	GDSKSS/SKTD/HIV	1	16	7	9		16				Nguyễn Văn Huy	
MH 08	Kỹ năng mềm	1	15	4	9	2			15		Đặng Thị Mơ	
MH 09	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	20	8	2			30		Đỗ Văn Thanh	
MH 10	Quản trị kinh doanh	2	30	12	16	2		30			Thiều Thị Linh	
II	Các môn học, mô đun đào tạo	45	1090	290	672	128	240	210	240	400		
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	7	120	70	34	16	60	60	0	0		
MH 11	Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động	2	30	24	2	4	30				Đặng Thị Mơ, Đình Minh Khánh	
MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	1	30	10	16	4	30				Đặng Thị Mơ	
MH 13	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	18	8	4		30			Đặng Thị Mơ	
MH 14	Vật liệu cơ khí	2	30	18	8	4		30			Đặng Thị Mơ, Đình Minh Khánh	
II.2	Môn học mô đun chuyên môn	38	970	220	638	112	180	150	240	400		
MĐ 15	Chế tạo và gá lắp kết cấu	4	90	28	50	12	90				Đình Minh Khánh	



Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ BT/TL	KT						
MĐ 16	Gia công chi tiết trên máy tiện	3	60	18	34	8		60			Đình Minh Khánh	
MĐ 17	Hàn hồ quang cơ bản	4	90	16	62	12	90				Đình Minh Khánh, Phạm Ngọc Huynh	
MĐ 18	Hàn hồ quang nâng cao	3	90	12	66	12		90			Phạm Ngọc Huynh, Đình Minh Khánh	
MĐ 19	Gia công chi tiết trên máy phay	3	60	18	34	8			60		Đình Minh Khánh	
MĐ 20	Hàn cắt khí cơ bản	4	90	28	50	12			90		Đình Minh Khánh, Phạm Ngọc Huynh	
MĐ 21	Hàn MIG/MAG	4	90	28	50	12			90		Đình Minh Khánh	
MĐ 22	Hàn TIG cơ bản	3	90	12	66	12			90		Phạm Ngọc Huynh	
MĐ 23	Chế tạo kết cấu nhà công nghiệp	4	90	28	50	12			90		Phạm Ngọc Huynh	
MĐ 24	Thực tập sản xuất	4	160	24	124	12			160		Phạm Ngọc Huynh, Đình Minh Khánh	
MĐ 25	Ôn thi tốt nghiệp	2	60	8	52				60		Phạm Ngọc Huynh, Đình Minh Khánh	

LẬP BIỂU



Đình Đức Luân

PHÒNG HC - TS - ĐT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phan Tiến Đạt

Thanh Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2026

K. HIỆU TRƯỞNG
PH. HIỆU TRƯỞNG




Thiều Thị Linh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG TCN DTNT PHÚ THỌ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH GIÁO VIÊN
LỚP TRUNG CẤP CÔNG NGHỆ Ô TÔ - KHÓA 16 (NIÊN KHOÁ 2026 - 2028)

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TN /BT	Thi/ Kiểm tra						
Tổng:		75	1650	561	988	101	406	420	405	419		
I.	Các môn học chung.	12	255	94	148	13	45	75	45	90		
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2		30			Trần Thị Thu Hằng	
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1	15				Trần Thị Thu Hằng	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30				GVTG	
MH 04	Giáo dục QPAN	2	45	21	21	3		45			Đỗ Văn Thanh	
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1			45		Võ Thị Hương Thơm	
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4				90	Nguyễn Thị Ly	
II.	Các môn học, mô đun đào tạo	63	1395	467	840	88	361	345	360	329		
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	8	136	83	42	11	31	60	45	0		
MH 07	GDSKSS/SKTD/HIV	1	16	7	8	1	16				Nguyễn Văn Huy	
MH 08	An toàn lao động	1	15	10	4	1	15				Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MH 09	Dung sai lắp ghép và đo lường KT	2	30	26	2	2		30			Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MH 10	Điện kỹ thuật	1	15	10	4	1			15		Nguyễn Hoàng Anh, Cao Tiến Duy	
MĐ 11	Thực hành hàn cơ bản	1	30	10	16	4			30		Phan Tiến Đạt	
MĐ 12	Vẽ kỹ thuật	2	30	20	8	2		30			Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	55	1259	384	798	77	330	285	315	329		
MĐ 13	Kỹ thuật chung về ô tô	2	30	19	8	3	30				Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MĐ 14	BD&SC động cơ đốt trong	4	90	26	60	4	90				Trần Quốc Bình	
MĐ 15	BD&SC hệ thống nhiên liệu động cơ	3	75	24	46	5	75				Trần Quốc Bình	
MĐ 16	BD&SC hệ thống truyền lực	3	75	24	46	5	75				Trần Quốc Bình	
MĐ 17	BD&SC hệ thống treo	3	60	20	36	4	60				Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	



Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TN /BT	Thi/ Kiểm tra						
MĐ 18	BD&SC hệ thống lái	3	60	20	36	4		60			Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MĐ 19	BD&SC hệ thống phanh	3	60	20	36	4		60			Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MĐ 20	BD&SC trang bị điện ô tô	4	90	28	58	4		90			Trần Quốc Bình	
MĐ 21	BD&SC HT điều hòa KK trên ô tô	3	75	24	46	5			75		Trần Quốc Bình	
MĐ 22	Công nghệ SC thân vỏ và sơn ô tô	3	60	20	36	4			60		Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MĐ 23	Kiểm tra và sửa chữa pan ô tô	2	45	15	27	3			45		Trần Quốc Bình	
MĐ 24	Kỹ thuật lái ô tô	4	90	26	60	4			90		Phạm Ngọc Huynh	
MĐ 25	VH-BD và sửa chữa máy nông nghiệp	3	75	24	41	10		75			Trần Quốc Bình	
MĐ 26	Sửa chữa động cơ xe máy	3	60	20	36	4			60		Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MH27	Kỹ năng mềm	2	30	20	8	2			30		Đặng Thị Mơ, Nguyễn Văn Huy	
MH28	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	20	8	2			30		Thiều Thị Linh, Đỗ Văn Thanh	
MĐ 29	Thực tập tại sản xuất	5	192	20	162	10			90	102	Nguyễn Quang Thắng, Trần Quốc Bình	
MĐ 30	Ôn thi tốt nghiệp	3	62	14	48					62	Trần Quốc Bình, Nguyễn Quang Thắng	

LẬP BIỂU



Đinh Đức Luân

PHÒNG HC - TS - ĐT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phan Tiến Đạt

Thanh Sơn, ngày 27 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thiều Thị Linh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG TCN DTNT PHÚ THỌ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH GIÁO VIÊN
LỚP TRUNG CẤP MAY THỜI TRANG - KHÓA 16 (NIÊN KHOẢ 2026 - 2028)

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ TN/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra						
Tổng:		75	1650	556	917	177	361	345	329	615		
I	Các môn học chung	18	346	137	190	19	106	45	15	180		
<i>I.1</i>	<i>Các môn học chung bắt buộc</i>	<i>12</i>	<i>255</i>	<i>94</i>	<i>148</i>	<i>13</i>	<i>60</i>	<i>45</i>	<i>15</i>	<i>135</i>		
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	30				Trần Thị Thu Hằng	
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1			15		Trần Thị Thu Hằng	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30				GVTG	
MH 04	Giáo dục QPAN	2	45	21	21	3		45			Đỗ Văn Thanh	
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1			45		Võ Thị Hương Thơm	
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4			90		Nguyễn Thị Ly	
<i>I.2</i>	<i>Các môn học chung bổ trợ</i>	<i>6</i>	<i>91</i>	<i>43</i>	<i>42</i>	<i>6</i>	<i>46</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>45</i>		
MH 07	GDSKSS-SKTD/HIV	1	16	7	9		16				Nguyễn Văn Huy	
MH 08	Kỹ năng mềm	1	15	4	9	2			15		Đặng Thị Mơ	
MH 09	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	20	8	2			30		Đỗ Văn Thanh	
MH 10	Quản trị kinh doanh	2	30	12	16	2	30				Thiều Thị Linh	
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	57	1304	419	727	158	255	300	314	435		
<i>II.1</i>	<i>Môn học, mô đun cơ sở</i>	<i>10</i>	<i>135</i>	<i>113</i>	<i>8</i>	<i>14</i>	<i>135</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		
MH 11	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	30	27		3	30				Trần Thị Thu Hằng	
MH 12	Cơ sở thiết kế trang phục	2	30	27		3	30				Trần Thị Thu Hằng	
MH 13	Vật liệu may	2	30	27		3	30				Trần Thị Thu Hằng	
MH 14	Thiết bị may	2	30	19	8	3	30				Trần Thị Thu Hằng	
MH 15	An toàn lao động	2	15	13		2	15				Đỗ Thị Minh Hưng	



Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ TN/BT/ TL	Thi/ Kiểm tra						
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	47	1169	306	719	144	120	300	314	435		
MĐ 16	Thiết kế trang phục 1	4	90	24	50	16	90				Đỗ Thị Minh Hưng	
MĐ 17	May áo sơ mi nam, nữ	7	180	46	112	22	30	150			Trần Thị Thu Hằng	
MĐ 18	May quần âu nam, nữ	6	150	40	86	24		150			Đỗ Thị Minh Hưng	
MĐ 19	Thiết kế trang phục 2	2	44	12	22	10			44		Đỗ Thị Minh Hưng	
MĐ 20	May áo Jacket nam	6	150	40	86	24			150		Đỗ Thị Minh Hưng	
MH 21	Công nghệ sản xuất	2	30	27		3			30		Trần Thị Thu Hằng	
MH 22	Quản lý chất lượng sản phẩm	2	30	27		3			30		Trần Thị Thu Hằng	
MĐ 23	Thiết kế trang phục 3	2	45	12	21	12				45	Trần Thị Thu Hằng	
MĐ 24	May váy, áo váy	5	120	30	78	12			60	60	Trần Thị Thu Hằng	
MĐ 25	Ôn thi tốt nghiệp	2	60	16	44					60	Đỗ Thị Minh Hưng	
MĐ 26	May các sản phẩm nâng cao	5	90	28	44	18				90	Đỗ Thị Minh Hưng	
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn											
MĐ 27	Thực tập sản xuất	4	180	4	176					180	Đỗ Thị Minh Hưng	

LẬP BIỂU



Đinh Đức Luân

PHÒNG HC - TS - ĐT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phan Tiến Đạt

Thanh Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thiều Thị Linh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG TCN DTNT PHÚ THỌ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH GIÁO VIÊN
LỚP TRUNG CẤP TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT - KHÓA 16 (NIÊN KHOÁ 2026 - 2028)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ BT/TL	KT						
Tổng số:		66	1549	550	900	99	331	330	400	488		
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13	45	120	90	0		
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2		30			Trần Thị Thu Hằng	
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1	15				Trần Thị Thu Hằng	
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30				GVTG	
MH04	Giáo dục QPAN	2	45	21	21	3		45			Đỗ Văn Thanh	
MH05	Tin học	2	45	15	29	1		45			Võ Thị Hương Thơm	
MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4			90		Nguyễn Thị Ly	
II	Các môn học, mô đun đào tạo	54	1294	456	752	86	286	210	310	488		
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	12	286	136	126	24	106	60	45	75		
MH07	Giáo dục SKSS/SKTD/HIV	1	16	7	8	1	16				Nguyễn Văn Huy	
MH08	Sinh lý thực vật	2	45	15	27	3	45				Đinh Quỳnh Hoa	
MH09	Giống cây trồng	2	45	24	18	3	45				Trình Thị Thanh Thương	
MH10	Đất và phân bón	3	60	34	22	4		60			Nguyễn Văn Huy	
MH11	Khuyến nông	2	45	32	10	3			45		Nguyễn Văn Huy	
MĐ12	Vận hành, SC máy nông nghiệp	2	75	24	41	10				75	Đinh Minh Khánh	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	42	1008	320	626	62	180	150	265	413		
MĐ13	Cây lương thực	3	60	24	32	4		60			Đinh Quỳnh Hoa	
MĐ14	Cây công nghiệp	4	60	24	32	4			60		Trình Thị Thanh Thương	
MĐ15	Cây ăn quả	4	90	32	52	6	90				Cao Thị Thu Thúy	
MĐ16	Cây rau	4	90	32	52	6	90				Đinh Quỳnh Hoa	
MĐ17	Phòng trừ dịch hại	2	66	24	36	6			25	41	Đinh Quỳnh Hoa	
MĐ18	Sử dụng thuốc BVTV	4	90	36	48	6		90			Cao Thị Thu Thúy	
MĐ19	Bảo quản và chế biến nông sản	2	60	24	30	6			60		Trình Thị Thanh Thương	
MĐ20	Bệnh cây nông nghiệp	4	90	32	52	6			90		Cao Thị Thu Thúy	



Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ BT/TL	KT						
MĐ21	Côn trùng nông nghiệp	4	90	36	48	6			90	Cao Thị Thu Thúy		
MH22	Kỹ năng mềm	2	30	20	8	2			30	Đặng Thị Mơ		
MH23	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	20	8	2		30		Đặng Thị Mơ		
MĐ24	Thực tập sản xuất	5	192	0	184	8			192	Trình Thị Thanh Thương, Cao Thị Thu Thúy, Đinh Quỳnh Hoa		
MĐ25	Ôn thi tốt nghiệp	2	60	16	44	0			60	Cao Thị Thu Thúy, Đinh Quỳnh Hoa		

LẬP BIỂU



Đinh Đức Luân

PHÒNG HC - TS - ĐT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phan Tiến Đạt

Thanh Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thiều Thị Linh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG TCN DTNT PHÚ THỌ

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, KẾ HOẠCH GIÁO VIÊN
LỚP TRUNG CẤP THỨ Y - KHÓA 16 (NIÊN KHOÁ 2026 - 2028)

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ BT/TL	KT/ Thi						
Tổng số:		68	1561	609	851	101	361	350	355	455		
I	Các môn học chung	18	346	137	189	20	151	60	135	0		
<i>I.1</i>	<i>Các môn học chung bắt buộc</i>	<i>12</i>	<i>255</i>	<i>94</i>	<i>148</i>	<i>13</i>	<i>105</i>	<i>45</i>	<i>105</i>	<i>0</i>		
MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2	30				Trần Thị Thu Hằng	
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1			15		Trần Thị Thu Hằng	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30				GVTG	
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3		45			Đỗ Văn Thanh	
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1	45				Võ Thị Hương Thơm	
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4			90		Nguyễn Thị Ly	
<i>I.2</i>	<i>Các môn học chung bổ trợ</i>	<i>6</i>	<i>91</i>	<i>43</i>	<i>41</i>	<i>7</i>	<i>46</i>	<i>15</i>	<i>30</i>	<i>0</i>		
MH 07	GDSKSS/SKTD/HIV	1	16	7	8	1	16				Nguyễn Văn Huy	
MH 08	Quản trị kinh doanh	2	30	12	16	2	30				Thiều Thị Linh	
MH 09	Kỹ năng mềm	1	15	4	9	2		15			Đặng Thị Mơ	
MH 10	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	20	8	2			30		Thiều Thị Linh	
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	50	1215	472	662	81	210	290	220	455		
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	16	315	184	112	19	210	75	0	30		
MH11	Dược lý thú y	4	90	66	20	4	90				Nguyễn Thị Ly	
MH12	Miễn dịch học thú y	3	60	40	16	4	60				Nguyễn Thị Ly	
MH13	Chẩn đoán và điều trị học	3	60	26	30	4	60				Đặng Thị Mơ	
MH14	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	45	20	22	3		45			Đặng Thị Mơ	
MH15	Luật thú y	2	30	22	6	2				30	Trần Thị Thu Hằng	
MH16	Khuyến nông	2	30	10	18	2		30			Nguyễn Văn Huy	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	900	288	550	62	0	215	220	425		
MĐ17	Bệnh truyền nhiễm	2	45	20	22	3		45			Đặng Thị Mơ	
MĐ18	Kỹ thuật nuôi lợn	2	50	20	25	5		50			Đặng Thị Mơ	
MĐ19	Phòng và điều trị bệnh cho lợn	5	120	48	64	8		120			Nguyễn Thị Ly	
MĐ20	Truyền giống nhân tạo vật nuôi	2	50	20	25	5			50		Nguyễn Thị Ly	



Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó			Kỳ I 8/2026- 12/2026	Kỳ II 01/2027- 6/2027	Kỳ III 8/2027- 12/2027	Kỳ IV 01/2028- 6/2028	Giáo viên	Ghi chú
				Lý thuyết	TH/TT/ BT/TL	KT/ Thi						
Tổng số:		68	1561	609	851	101	361	365	355	455		
MĐ21	Kỹ thuật nuôi gia cầm	2	50	20	25	5			50		Đặng Thị Mơ	
MĐ22	Phòng và điều trị bệnh cho gia cầm	5	120	48	64	8			120		Nguyễn Thị Ly	
MĐ23	Kỹ thuật nuôi trâu bò	2	50	20	25	5				50	Nguyễn Thị Ly	
MĐ24	Bệnh sản khoa	2	45	12	28	5				45	Nguyễn Thị Ly	
MĐ25	Phòng và điều trị bệnh cho trâu bò	5	120	48	64	8				120	Nguyễn Thị Ly	
MĐ26	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó, mèo	2	30	12	16	2				30	Đặng Thị Mơ	
MĐ27	Thực tập sản xuất	3	160		152	8				100	Nguyễn Thị Ly	
MĐ28	Ôn thi tốt nghiệp	2	60	20	40					60	Nguyễn Thị Ly	

LẬP BIỂU



Đinh Đức Luân

PHÒNG HC - TS - ĐT
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phan Tiến Đạt

Thanh Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thiều Thị Linh

